| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>**TỈNH HÀ GIANG**<br>———— | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**<br>———— |
| Số: 127/2019/QĐST-HNGĐ | *A, ngày 14 tháng 10 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", giữa:

**Nguyên đơn:** Chị **Nông Thị H** - Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang.

**Bị đơn:** Anh **Bế Văn H** - Sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện A, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 6 Điều 19; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

***1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:*** Chị Nông Thị H – Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang và anh Bế Văn H – Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện A, tỉnh Hà Giang.

***2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nông Thị H và anh Bế Văn H thuận tình ly hôn.

**- Về con chung:** Chị Nông Thị H và anh Bế Văn H thỏa thuận nhất trí giao cháu Bế Tiệu T – Sinh ngày: 03/01/2013 và cháu Bế Yến N – Sinh ngày: 17/8/2014 cho anh Bế Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T và cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 04/10/2019. Chị Nông Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

**- Về tài sản chung và công nợ:** Chị Nông Thị H và anh Bế Văn H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Về án phí:** Chị Nông Thị H và anh Bế Văn H thỏa thuận nhất trí để chị Nông Thị H chịu 150.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ theo biên lai số 02284 nộp ngày 22/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang.

Trả lại cho chị Nông Thị H 150.000đ tiền chênh lệch tạm ứng án phí.

***3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.***

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- TAND tỉnh;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Đán Văn Đ**